

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 66/2002/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 6 tháng 8 năm 2002

THÔNG TƯ

Hướng dẫn trình tự, thủ tục, xử lý tài chính khi giải thể doanh nghiệp nhà nước

Thực hiện Điều 15 Nghị định số 50/CP ngày 28/8/1996 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể và phá sản doanh nghiệp nhà nước;

Bộ Tài chính hướng dẫn trình tự, thủ tục xử lý tài chính khi giải thể doanh nghiệp nhà nước như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG

1. Đối tượng áp dụng Thông tư này là doanh nghiệp nhà nước bao gồm: doanh nghiệp nhà nước độc lập, Tổng công ty, doanh nghiệp thành viên Tổng công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước (sau đây gọi là doanh nghiệp) thuộc đối tượng xem xét giải thể.

2. Phạm vi xem xét tuyên bố giải thể:

Doanh nghiệp thuộc đối tượng xem xét giải thể trong các trường hợp sau:

2.1 Hết thời hạn kinh doanh ghi trong quyết định thành lập và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mà doanh nghiệp không xin gia hạn hoặc không được phép gia hạn.

2.2 Việc tiếp tục duy trì doanh nghiệp là không cần thiết theo qui hoạch, sắp xếp, tổ chức lại doanh nghiệp của các Bộ, ngành, địa phương, Tổng công ty.

2.3 Kinh doanh thua lỗ 03 năm liên tiếp và có số lỗ lũy kế bằng 3/4 vốn Nhà nước tại doanh nghiệp trở lên nhưng chưa rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả đến hạn, tuy đã áp dụng các biện pháp tài chính, các hình thức tổ chức lại nhưng vẫn không khắc phục được tình trạng thua lỗ.

2.4 Doanh nghiệp công ích không thực hiện được các nhiệm vụ do Nhà nước giao 02 năm liên tiếp tuy đã được áp dụng các biện pháp cần thiết.

3. Điều kiện để xem xét giải thể doanh nghiệp: Doanh nghiệp rơi vào một trong các trường hợp qui định tại điểm 2 trên đây phải đảm bảo đủ khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả và chi phí giải thể thì thuộc đối tượng giải thể.

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THÔNG BÁO GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP

1. Người đề nghị giải thể doanh nghiệp:

- Người đề nghị thành lập doanh nghiệp bao gồm: các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản trị Tổng công ty Nhà nước.
- Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc (đối với doanh nghiệp không có Hội đồng quản trị) của doanh nghiệp đề nghị giải thể.

2. Hồ sơ đề nghị giải thể doanh nghiệp:

- + Tờ trình xin giải thể doanh nghiệp nêu rõ lý do và điều kiện giải thể doanh nghiệp.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp doanh nghiệp hết thời hạn kinh doanh).
- + Báo cáo tài chính của doanh nghiệp 3 năm trước liền kề.
- + Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp theo yêu cầu của người quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc người đề nghị thành lập doanh nghiệp.
- + Phương án sắp xếp doanh nghiệp của Bộ, ngành, Tổng công ty 90, Tổng công ty 91 (đối với doanh nghiệp Trung ương), Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với doanh nghiệp Địa phương).

3. Thẩm quyền quyết định giải thể doanh nghiệp:

Người có thẩm quyền quyết định giải thể doanh nghiệp là người quyết định thành lập doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp đã được thành lập theo uỷ quyền của Thủ tướng Chính phủ thì việc quyết định giải thể thực hiện theo uỷ quyền của Thủ tướng Chính phủ.

4. Hội đồng giải thể doanh nghiệp:

a. Thành lập Hội đồng giải thể:

Khi nhận được hồ sơ đề nghị giải thể doanh nghiệp, người có thẩm quyền giải thể doanh nghiệp (hoặc người được uỷ quyền) thành lập Hội đồng giải thể doanh nghiệp trên cơ sở sử

dụng bộ máy giúp việc của mình và mời các chuyên gia am hiểu về các nội dung cần thẩm định tham gia, để xem xét hồ sơ đề nghị giải thể doanh nghiệp.

Các chuyên gia được chỉ định hoặc được mời tham gia Hội đồng giải thể doanh nghiệp trao đổi ý kiến, phát biểu bằng văn bản ý kiến độc lập của mình và được bảo lưu ý kiến đó. Chủ tịch Hội đồng giải thể tổng hợp các ý kiến này và trình người có thẩm quyền quyết định giải thể doanh nghiệp.

b. Hội đồng giải thể doanh nghiệp có nhiệm vụ:

Thẩm định hồ sơ giải thể doanh nghiệp để trình người có thẩm quyền quyết định giải thể doanh nghiệp xem xét, ra thông báo giải thể hoặc không giải thể doanh nghiệp. Nội dung xem xét, thẩm định, gồm:

- Tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ đề nghị giải thể doanh nghiệp
- Doanh nghiệp đã thực sự rơi vào một trong 4 trường hợp phải giải thể theo qui định tại điểm 2 Mục I trên đây. Đối với trường hợp thứ 3 hoặc 4 phải xem xét kỹ các biện pháp đã hỗ trợ doanh nghiệp.
- Điều kiện giải thể doanh nghiệp theo qui định tại điểm 3 Mục I.

c. Thời hạn hoạt động của Hội đồng giải thể:

Thời hạn hoạt động của Hội đồng giải thể không quá 30 ngày. Hội đồng giải thể tự kết thúc hoạt động khi thông báo giải thể hoặc không giải thể doanh nghiệp có hiệu lực.

5. Thông báo giải thể doanh nghiệp:

- Trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày Hội đồng giải thể thành lập, Hội đồng giải thể trình người có thẩm quyền quyết định giải thể doanh nghiệp ý kiến thẩm định đề nghị giải thể doanh nghiệp. Người có thẩm quyền quyết định giải thể doanh nghiệp xem xét, ra thông báo giải thể doanh nghiệp hoặc không giải thể doanh nghiệp bằng văn bản.
- Thông báo giải thể doanh nghiệp có các nội dung sau:
 - + Tên, địa chỉ doanh nghiệp tiến hành giải thể.
 - + Lý do giải thể.
 - + Ngày bắt đầu chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh để tiến hành thủ tục giải thể doanh nghiệp.
- Thông báo giải thể doanh nghiệp được gửi đến các cơ quan sau:

- + Người đề nghị giải thể doanh nghiệp
- + Doanh nghiệp tiến hành giải thể.
- + Cơ quan cấp trên của doanh nghiệp tiến hành giải thể (nếu có).
- + Cơ quan tài chính doanh nghiệp: đối với các doanh nghiệp Trung ương gửi về Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp), doanh nghiệp địa phương gửi về Sở Tài chính - Vật giá tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- + Cơ quan thuế trực tiếp quản lý việc thu thuế doanh nghiệp.
- + Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính nếu doanh nghiệp bị giải thể do các Bộ, ngành Trung ương, Tổng công ty nhà nước đề nghị thành lập.
- Trường hợp không giải thể doanh nghiệp phải nêu rõ lý do không giải thể doanh nghiệp.

III. BAN THANH LÝ DOANH NGHIỆP

1. Thành lập Ban Thanh lý doanh nghiệp

Ngay khi thông báo giải thể doanh nghiệp có hiệu lực, người quyết định giải thể doanh nghiệp thành lập Ban Thanh lý doanh nghiệp gồm các thành viên sau:

- Giám đốc doanh nghiệp giải thể hoặc người được người quyết định giải thể doanh nghiệp chỉ định làm Trưởng ban,
- Kế toán trưởng doanh nghiệp,
- Đại diện công đoàn của doanh nghiệp,
- Cơ quan tài chính doanh nghiệp: Đại diện Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp) đối với doanh nghiệp Trung ương; Đại diện Sở Tài chính - Vật giá tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với doanh nghiệp địa phương.
- Đại diện một số bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ của doanh nghiệp bị giải thể.
- Một số chuyên gia (nếu cần).

Trong quá trình thanh lý doanh nghiệp, Ban Thanh lý doanh nghiệp thành lập các tổ giúp việc. Nhân sự của tổ giúp việc được sử dụng từ bộ máy của doanh nghiệp bị giải thể.

2. Ban Thanh lý doanh nghiệp có quyền hạn sau:

- Được sử dụng con dấu của doanh nghiệp giải thể để phục vụ việc thanh lý doanh nghiệp theo qui định hiện hành.

- Trong quá trình thanh lý doanh nghiệp, nếu cần Ban thanh lý doanh nghiệp có thể mời các tổ chức, chuyên gia Việt Nam hoặc nước ngoài tiến hành kiểm toán, giám định máy móc, thiết bị, nhà xưởng, xác định giá trị còn lại của doanh nghiệp.

3. Ban thanh lý doanh nghiệp có các nhiệm vụ sau:

- Thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức liên quan về việc giải thể doanh nghiệp.
- Xây dựng phương án giải thể doanh nghiệp trình người quyết định giải thể doanh nghiệp thông qua.
- Thực hiện thanh lý doanh nghiệp theo phương án đã được phê duyệt, bao gồm: thanh, xử lý các hợp đồng kinh tế dở dang, thanh lý, nhượng bán tài sản, thu hồi nợ, xử lý lao động, thanh toán các khoản nợ phải trả...
- Trường hợp các hợp đồng đang thực hiện dở dang có thể hoàn thành trong thời gian giải thể mà không ảnh hưởng tới việc thanh, xử lý tài sản thì Ban Thanh lý doanh nghiệp tiếp tục tổ chức thực hiện các hợp đồng này theo quyết định của người quyết định giải thể doanh nghiệp.
- Quyết toán quá trình thanh lý doanh nghiệp. Lập báo cáo kết quả thanh lý và đưa ra kiến nghị.

4. Thời gian hoạt động của Ban thanh lý không quá 6 tháng kể từ khi thành lập. Trường hợp xin gia hạn thời gian giải thể doanh nghiệp phải được người quyết định giải thể doanh nghiệp xem xét, đồng ý bằng văn bản nhưng thời gian gia hạn cũng không quá 02 tháng.

5. Ban thanh lý doanh nghiệp và tổ chuyên viên giúp việc nếu vi phạm các vấn đề sau đây thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu làm thiệt hại tài sản thì phải bồi thường:

- Lập bản kê tài sản không đúng thực tế, kê không đúng thủ tục pháp luật qui định;
- Lập danh sách chủ nợ và số nợ không đúng, không có căn cứ;
- Tổ chức bán đấu giá không đúng qui định của pháp luật;
- Việc phân chia tài sản của doanh nghiệp bị giải thể không đúng phương án đã được duyệt, không đúng trình tự ưu tiên, thanh toán cho các chủ nợ không công bằng;
- Sử dụng trái phép tài sản của doanh nghiệp bị giải thể;